

| THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI |           | 1D     | YTD     |
|---------------------|-----------|--------|---------|
| DJI                 | 28,032.38 | 0.13%  | -1.77%  |
| S&P500              | 3,385.49  | -0.46% | 4.79%   |
| NASDAQ              | 11,050.47 | -1.25% | 23.16%  |
| VIX                 | 26.04     | 1.76%  |         |
| FTSE 100            | 6,078.48  | -0.44% | -19.41% |
| DAX                 | 13,255.37 | 0.29%  | 0.05%   |
| CAC40               | 5,074.42  | 0.13%  | -15.12% |
| Nikkei              | 23,475.53 | 0.09%  | -0.77%  |
| Shanghai            | 3,283.92  | -0.36% | 6.49%   |
| Kospi               | 2,435.92  | -0.31% | 10.84%  |
| Hang Seng           | 24,725.63 | -0.03% | -13.10% |
| STI (Singapore)     | 2,505.15  | 0.78%  | -22.27% |
| SET (Thái Lan)      | 1,293.48  | 0.57%  | -19.05% |
| Dầu thô (\$/thùng)  | 40.23     | 4.39%  | -33.78% |
| Vàng (\$/ounce)     | 1,969.10  | 0.38%  | 29.74%  |

| KINH TẾ VĨ MÔ          |        | 1D (bps) | YTD (bps) |
|------------------------|--------|----------|-----------|
| Lãi suất liên NH       | 0.14%  | 0        | -129      |
| Lãi suất tiết kiệm 12T | 6.00%  | 0        | -50       |
| TPCP - 5 năm           | 1.65%  | -1       | -234      |
| TPCP - 10 năm          | 2.73%  | -3       | -197      |
| USD/VND                | 23,268 | -0.01%   | 0.16%     |
| EUR/VND                | 28,221 | -0.12%   | 6.09%     |
| CNY/VND                | 3,464  | 0.23%    | 2.00%     |

| TTCK VIỆT NAM          |          | 1D      | YTD    |
|------------------------|----------|---------|--------|
| VN-INDEX               | 897.47   | 0.14%   | -6.61% |
| VN30                   | 834.50   | 0.14%   | -5.07% |
| HNX                    | 127.87   | -0.05%  | 24.74% |
| UPCOM                  | 59.76    | 0.34%   | 5.68%  |
| GT mua ròng NĐTNN (tỷ) | -166.37  |         |        |
| Tổng GTGD (tỷ)         | 6,094.66 | -20.92% | 74.13% |

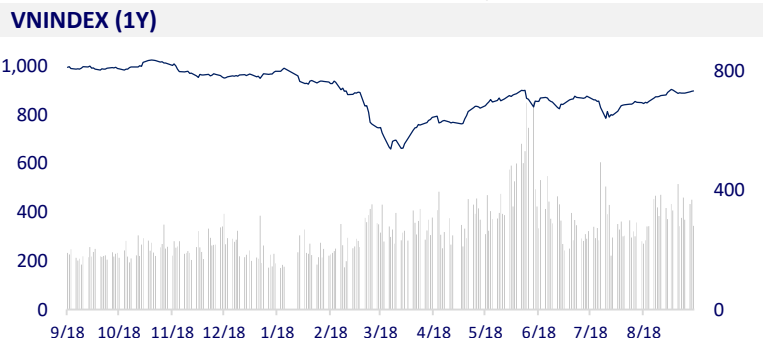
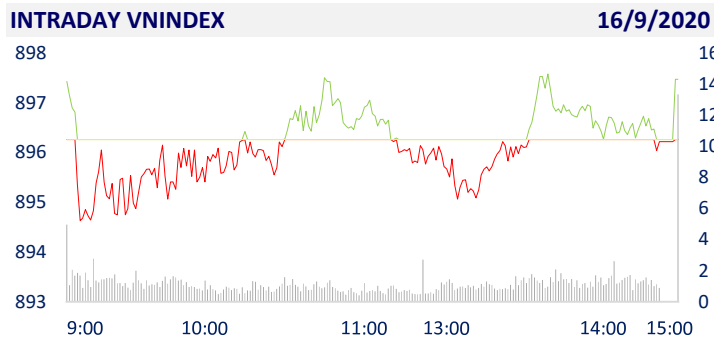
| ETF & PHÁI SINH |        | 1D    | YTD    |
|-----------------|--------|-------|--------|
| FUESSV50        | 12,300 | 0.00% | -2.77% |
| E1VFN30         | 14,000 | 0.21% | -5.15% |
| VN30F2103       | 828.0  | 0.73% |        |
| VN30F2012       | 828.7  | 0.19% |        |
| VN30F2010       | 834.4  | 0.30% |        |
| VN30F2009       | 834.6  | 0.19% |        |

Cổ phiếu đã giảm mức tăng trong bối cảnh bán tháo ở các công ty công nghệ khổng lồ và nhận xét của Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Jerome Powell về sự phục hồi kinh tế là không chắc chắn khi không có thêm các gói kích thích.

S&P 500 ban đầu tăng vọt khi Fed báo hiệu sẽ giữ lãi suất gần bằng 0 cho đến ít nhất là năm 2023. Cuộc phục hồi nhanh chóng kết thúc sau khi Powell nói rằng ông không chắc liệu sự phục hồi nhanh hơn dự kiến có tiếp tục hay không. Sự sụp đổ của các công ty công nghệ khổng lồ như Apple và Facebook cũng kéo chỉ số này xuống. Đường cong lợi suất kho bạc tăng mạnh khi ngân hàng trung ương Hoa Kỳ ngừng cung cấp các chi tiết cụ thể mới về cách tiếp cận của họ đối với việc mua trái phiếu hàng tháng đã thúc đẩy thị trường. Một số nhà giao dịch có thể đã mong đợi các tín hiệu liên quan đến kế hoạch nhằm mục tiêu kỳ hạn dài hơn.

Việt Nam trở thành đối tác thương mại lớn nhất của Trung Quốc trong ASEAN. Kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Trung Quốc trong 8 tháng đầu năm đạt 111,2 tỷ USD, tăng 13,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Trung Quốc, kim ngạch thương mại giữa Trung Quốc và ASEAN trong giai đoạn này đạt 416,6 tỷ USD, hơn 16 tỷ USD so với đối tác thương mại lớn thứ hai của Trung Quốc là EU.

khối ngoại bán ròng hơn 166 tỷ đồng. Lực bán ròng tập trung ở các cổ phiếu VHM, VNM và NBB trên sàn HOSE. SHB là mã bị bán ròng nhiều nhất tại sàn HNX. VN-Index kết phiên tăng 0.14%, đạt mức 897.47 điểm; chỉ số HNX-Index giảm 0.05%, đạt mức 127.87 điểm.

**THAY ĐỔI GIÁ TẠI CÁC NGÀNH**

**LỊCH SỰ KIỆN**

| Mã  | Ngày GDKHQ | Ngày ĐKCC | Ngày thực hiện | Loại     | Tỉ lệ | Giá trị |
|-----|------------|-----------|----------------|----------|-------|---------|
| D2D | 9/17/2020  | 9/18/2020 | 9/30/2020      | Tiền mặt |       | 1,500   |
| GLT | 9/17/2020  | 9/18/2020 | 9/28/2020      | Tiền mặt |       | 600     |
| C69 | 9/17/2020  | 9/18/2020 | 9/29/2020      | Tiền mặt |       | 300     |
| CTT | 9/17/2020  | 9/18/2020 | 9/30/2020      | Tiền mặt |       | 1,000   |
| MCC | 9/17/2020  | 9/18/2020 | 9/30/2020      | Tiền mặt |       | 600     |
| VC7 | 9/18/2020  | 9/19/2020 |                | Cổ phiếu | 100:5 |         |
| HJS | 9/18/2020  | 9/21/2020 | 9/30/2020      | Tiền mặt |       | 600     |

TIN TỨC CHỌN LỌC

- Lãi suất liên ngân hàng sẽ không có nhiều biến động mạnh trong tháng 9 do thanh khoản trong hệ thống vẫn duy trì trạng thái dồi dào.
- Bất động sản vẫn là kênh đầu tư hấp dẫn, với tỷ trọng hơn 38%. Tiếp theo là tiết kiệm (27%), rồi mới đến chứng khoán (12%).
- Fitch Ratings xếp hạng tín nhiệm của EVN - Tập đoàn điện lực Việt Nam ở mức 'BB' với triển vọng tích cực
- FED sẽ giữ lãi suất gần bằng 0% trong ít nhất ba năm- 2023 cho đến khi trở lại mức việc làm tối đa và lạm phát 2%.
- New Zealand đã phải hứng chịu sự sụt giảm kinh tế tồi tệ nhất kể từ cuộc Đại suy thoái trong quý thứ hai do phong tỏa nghiêm ngặt trên toàn quốc.
- Các nhà xuất khẩu thực phẩm của Úc đang phải đối mặt với một năm đầy thách thức, với giá trị của các lô hàng giảm 10% so với cùng kỳ.

|     | Đóng cửa | 1D     | 5D     | KL mua     | KL bán     | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|----------|--------|--------|------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| VCB | 82,900   | 0.48%  | 0.85%  | 1,216,480  | 1,187,980  | <p>- Dự thảo Thông tư hướng dẫn giao dịch ngoại tệ thay thế Thông tư 15/2015/TT-NHNN, sẽ cho phép nhà đầu tư nước ngoài khi đã đầu tư trái phiếu Chính phủ phát hành bằng VND được thực hiện giao dịch mua kỳ hạn từ TCTD được phép với mục đích phòng ngừa rủi ro tỷ giá.</p> <p>- Nhiều ngân hàng ráo riết thu hồi nợ xấu bằng việc bán tài sản mà các doanh nghiệp thế chấp: BID, STB, CTG, VCB,...Tuy nhiên, không dễ tìm người mua.</p> <p>- Ngân hàng tiếp tục giảm mạnh lãi suất tiền gửi, kỳ hạn 1 tháng xuống còn 2,65%/năm.</p> |
| BID | 40,550   | -0.49% | -0.61% | 1,433,670  | 1,747,750  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| CTG | 25,200   | -0.79% | -0.40% | 7,433,150  | 7,000,340  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| TCB | 21,400   | 0.23%  | 0.94%  | 2,570,740  | 3,139,290  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| VPB | 23,000   | -0.22% | 0.66%  | 4,906,310  | 4,624,880  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| MBB | 18,100   | 0.00%  | 1.97%  | 5,842,100  | 7,085,100  | <p>KDH: Báo cáo kết quả giao dịch mua của người có liên quan đến thành viên HĐQT.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| HDB | 29,850   | -0.17% | 2.58%  | 2,024,670  | 2,195,660  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| EIB | 16,950   | 0.30%  | 0.89%  | 462,120    | 719,260    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| STB | 11,550   | -0.43% | 2.21%  | 18,967,170 | 28,749,030 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| NVL | 63,800   | 0.00%  | 1.59%  | 2,213,810  | 2,729,960  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| TCH | 20,550   | -0.48% | -0.72% | 3,122,760  | 3,468,080  | <p>PLX: Thay đổi số lượng CP lưu hành do công ty thực hiện bán cổ phiếu quỹ cho nhà đầu tư Nhật Bản.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| KDH | 24,400   | -0.41% | 0.83%  | 515,130    | 814,000    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| ROS | 2,190    | -0.45% | 0.92%  | 8,326,030  | 13,007,330 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| GAS | 72,000   | -0.41% | 0.42%  | 581,140    | 672,780    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| POW | 10,150   | 0.00%  | 1.50%  | 3,741,710  | 6,535,010  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| PLX | 50,800   | 2.63%  | -0.20% | 519,010    | 470,180    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| VIC | 95,500   | 0.53%  | 5.52%  | 904,120    | 1,040,410  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| VHM | 77,200   | 0.52%  | -1.78% | 2,792,280  | 2,759,160  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| VRE | 28,900   | 0.00%  | 1.76%  | 3,162,030  | 4,285,070  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| VNM | 124,200  | -0.48% | 0.32%  | 1,310,000  | 1,415,280  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| SAB | 188,200  | 0.00%  | -0.95% | 159,350    | 96,020     | <p>SBT: Tăng trưởng ngành không hấp dẫn cùng áp lực cạnh tranh ngày càng lớn tại thị trường nội địa, gia tăng áp lực cho công ty. Tốc độ tăng trưởng của ngành đường là 1.4% trong 10 năm qua và sẽ chỉ đạt khoảng 1.4%-2% trong vòng 10 năm tới.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| MSN | 54,900   | -0.90% | -0.18% | 1,574,460  | 2,019,550  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| SBT | 14,050   | 0.00%  | -0.35% | 3,713,590  | 3,269,240  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| VJC | 106,900  | 0.00%  | 0.85%  | 589,150    | 663,790    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| FPT | 50,500   | 1.00%  | 2.64%  | 3,283,200  | 4,928,010  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| MWG | 94,600   | 1.83%  | 1.28%  | 2,171,310  | 2,151,680  | <p>- HPG: Thị phần thép xây dựng tăng lên mức 32%. Lũy kế 8 tháng đầu 2020, đạt sản lượng 3.2 triệu tấn thép, tăng 20% so với cùng kỳ. Trong đó thép xây dựng thành phẩm trên 2.1 triệu tấn, còn lại là phôi thép.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| PNJ | 60,700   | 1.34%  | 2.02%  | 1,129,290  | 1,814,400  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| REE | 39,000   | 0.13%  | 4.98%  | 674,520    | 738,870    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| SSI | 15,900   | 0.63%  | 0.32%  | 8,377,520  | 10,460,950 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| HPG | 24,700   | 0.00%  | 0.82%  | 13,685,830 | 16,617,630 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |

